

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
**ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN**

**LÊ TRỌNG TUẤN**

**PHÁT TRIỂN KỸ NĂNG TỰ HỌC**  
**CHO HỌC SINH CÁC TRƯỜNG DỰ BỊ**  
**ĐẠI HỌC DÂN TỘC**

**Chuyên ngành: Lí luận và Lịch sử giáo dục**  
**Mã số: 62 14 01 02**

**TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ KHOA HỌC GIÁO DỤC**

**Thái Nguyên - 2016**

**Công trình được hoàn thành tại:  
Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên**

**Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS. PHẠM HỒNG QUANG**

**Phản biện 1:** .....

**Phản biện 2:** .....

**Phản biện 3:** .....

Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận án cấp Đại học  
hợp tại: Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên  
*Vào hồi.....giờ.....ngày.....tháng.....năm.....*

*Có thể tìm hiểu luận án tại:*

- Thư viện Quốc gia
- Trung tâm học liệu Đại học Thái Nguyên
- Thư viện trường Đại học Sư phạm, Đại học Thái Nguyên

## MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài

1.1. Những định hướng về đổi mới giáo dục đáp ứng yêu cầu của sự phát triển xã hội đã cho thấy vai trò đặc biệt quan trọng của tự học đối với việc hình thành và hoàn thiện nhân cách. Tự học góp phần nâng cao hoạt động trí tuệ của học sinh (HS) trong việc tiếp thu tri thức mới, rèn luyện cách thức độc lập suy nghĩ, giải quyết các vấn đề khó khăn trong quá trình học, giúp HS tự tin hơn trong việc lựa chọn cuộc sống của mình và thúc đẩy lòng ham học, ham hiểu biết, vươn tới đỉnh cao của khoa học, sống có hoài bão, có ước mơ.

1.2. Đối với mỗi cá nhân, việc phát triển kỹ năng tự học, tự nghiên cứu sẽ giúp cập nhật và bổ sung, làm giàu vốn kiến thức góp phần xây dựng xã hội phát triển.

1.3. Phát triển kỹ năng tự học cho HS là một điều kiện quan trọng và biện pháp hữu hiệu nhất làm cho việc học trở thành thói quen, nhu cầu của mỗi con người trên bước đường lập nghiệp và trong suốt cả cuộc đời, là nhiệm vụ hàng đầu ở các nhà trường hiện nay. Việc học tập sẽ đạt hiệu quả cao nhất khi người học được cung cấp cơ hội để hình thành và phát triển kỹ năng tự học.

1.4. Hệ thống các trường Dự bị Đại học Dân tộc (DBĐHDT) và các khoa dự bị đại học của một số trường là loại hình nhà trường gắn liền với thực tiễn giáo dục của các tỉnh miền núi Việt Nam, là nơi đào tạo nguồn cán bộ người dân tộc thiểu số có trình độ cao cho các tỉnh miền núi, vùng sâu, vùng xa. Kỹ năng tự học (KNTH) của đại bộ phận HS dân tộc thiểu số trong các trường này còn rất hạn chế, trong khi đó với HS các trường DBĐHDT thì thời gian dành cho tự học rất nhiều. Phát triển KNTH cho HS trở thành một yêu cầu cấp bách, một nhiệm vụ quan trọng trong công tác đào tạo hiện nay ở các nhà trường, nhất là hệ thống trường DBĐHDT.

Với những lí do nêu trên, chúng tôi chọn đề tài nghiên cứu: ***"Phát triển kỹ năng tự học cho học sinh các trường Dự bị Đại học Dân tộc"***.

### 2. Mục đích nghiên cứu

Trên cơ sở nghiên cứu lý luận và thực tiễn của vấn đề phát triển KNTH cho HS các trường DBĐHDT đề xuất các biện pháp phát triển KNTH cho HS các trường DBĐHDT nhằm góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

### **3. Khách thể, đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

#### **3.1. Khách thể nghiên cứu**

Quá trình phát triển KNTH cho HS các trường DBĐHDT.

#### **3.2. Đối tượng nghiên cứu**

Biện pháp phát triển KNTH cho HS các trường DBĐHDT

#### **3.3. Phạm vi nghiên cứu**

*Về nội dung:* Hệ thống KNTH rất phong phú, luận án nghiên cứu phát triển những kỹ năng cần thiết đối với HS DBĐHDT như: Kỹ năng khai thác tài liệu học tập, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giải quyết vấn đề.....

*Về thời gian:* Từ tháng 06 năm 2012 đến tháng 06 năm 2015.

*Về khách thể khảo sát:* Khảo sát thực trạng được thực hiện tại 3 trường: Trường Dự bị Đại học Dân tộc Trung ương; Trường Dự bị Đại học Dân tộc Sầm Sơn, Trường Dự bị Đại học Dân tộc Trung ương Nha Trang. Số lượng khảo sát gồm 106 Cán bộ quản lý, GV và 600 HS.

- Tổ chức thực nghiệm tại Trường Dự bị Đại học Dân tộc Trung ương.

### **4. Giả thuyết khoa học**

Chất lượng hoạt động tự học của HS và chất lượng dạy học của nhà trường có mối quan hệ thống nhất biện chứng với KNTH của HS. Nếu xác định được hệ thống các KNTH cần thiết đối với HS các trường DBĐHDT, xác định được cách thức, con đường phát triển KNTH gắn với đặc thù của trường DBĐHDT sẽ đề xuất được những biện pháp phát triển KNTH cho HS các trường DBĐHDT mang tính khả thi, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của các nhà trường.

### **5. Nhiệm vụ nghiên cứu**

5.1. Xây dựng cơ sở lý luận của vấn đề phát triển KNTH cho HS các trường DBĐHDT.

5.2. Khảo sát thực trạng phát triển KNTH cho HS các trường DBĐHDT.

5.3. Đề xuất các biện pháp phát triển KNTH cho HS các trường DBĐHDT.

5.4. Thực nghiệm sư phạm để đánh giá tính khả thi và hiệu quả của các biện pháp.

### **6. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu**

#### **6.1. Phương pháp luận**

##### **6.1.1. Quan điểm hệ thống - cấu trúc**

Tiếp cận quan điểm hệ thống - cấu trúc trong nghiên cứu phát triển KNTH cho HS các trường DBĐHDT cho phép nhìn nhận một

cách khách quan, toàn diện về vấn đề nghiên cứu trong mối quan hệ thống nhất biện chứng với các yếu tố bên trong và bên ngoài của quá trình phát triển KNTH.

### *6.1.2. Quan điểm thực tiễn*

Thực tiễn giáo dục là nguồn gốc của đề tài nghiên cứu, là động lực thúc đẩy quá trình triển khai nghiên cứu và là tiêu chuẩn để đánh giá kết quả nghiên cứu.

Đề xuất các biện pháp phát triển KNTH phải phù hợp với chương trình đào tạo, nội dung đào tạo và tính chất đặc thù của các trường DBĐHDT.

## **6.2. Phương pháp nghiên cứu**

### *6.2.1. Nhóm phương pháp nghiên cứu lý luận*

- Nghiên cứu phân tích, tổng hợp, hệ thống hoá, khái quát hoá các lý thuyết .

- Sử dụng phương pháp tiếp cận phát triển: Phát triển KNTH thông qua nghiên cứu một số chỉ số trí tuệ của HS trường Dự bị Đại học Dân tộc Trung ương.

### *6.2.2. Nhóm phương pháp nghiên cứu thực tiễn*

- Phương pháp quan sát.
- Phương pháp điều tra bằng bảng hỏi.
- Phương pháp đàm thoại.
- Phương pháp nghiên cứu sản phẩm hoạt động.
- Phương pháp lấy ý kiến chuyên gia.
- Phương pháp thực nghiệm sư phạm.

### *6.2.3. Phương pháp bổ trợ*

Sử dụng phương pháp thống kê toán học để xử lý các số liệu thu được từ khảo sát thực trạng và thực nghiệm sư phạm.

## **7. Những đóng góp mới của luận án**

### **7.1. Về lý luận**

- Kết quả nghiên cứu của luận án đã xây dựng và hệ thống hóa cơ sở lý luận về phát triển KNTH gắn với đặc trưng của các trường DBĐHDT: Làm rõ các KNTH cần thiết đối với HS các trường DBĐHDT; các mức độ, con đường và hình thức phát triển KNTH; các yếu tố ảnh hưởng đến việc phát triển KNTH cho HS các trường DBĐHDT.

- Xác định được hệ thống các KNTH cơ bản cần có của HS các trường DBĐHDT trong hoạt động tự học, các tiểu kỹ năng thành phần và yêu cầu cần đạt của từng KNTH.

- Xây dựng được 3 nhóm biện pháp với 7 biện pháp cụ thể phát triển KNTH cho HS các trường DBĐHDT. Trong mỗi biện pháp mô tả rõ mục tiêu, nội dung, cách thức tiến hành và điều kiện thực hiện biện pháp để chỉ dẫn cho việc tổ chức thực hiện các biện pháp vào thực tiễn.

## **7.2. Về thực tiễn**

- Luận án đã đánh giá được thực trạng KNTH của HS DBĐHDT và đánh giá thực trạng phát triển KNTH cho HS các trường DBĐHDT. Chỉ rõ nguyên nhân và các yếu tố ảnh hưởng đến thực trạng vấn đề nghiên cứu làm cơ sở thực tiễn cho việc đề xuất các biện pháp.

- Thiết kế, tổ chức thực nghiệm một số biện pháp đề xuất. Kết quả thực nghiệm đã khẳng định tính hiệu quả và khả thi của biện pháp.

- Kết quả nghiên cứu của đề tài luận án là tài liệu tham khảo bổ ích cho GV, cán bộ quản lý và HS các trường DBĐHDT.

## **8. Những luận điểm bảo vệ**

8.1. KNTH là một kỹ năng học tập quan trọng cần phát triển cho HS ở các trường DBĐHDT.

8.2. Để phát triển KNTH cho HS các trường DBĐHDT cần xác định được nội dung, các con đường và biện pháp phát triển KNTH gắn với đặc trưng của nhà trường và đặc điểm của HS dân tộc thiểu số.

8.3. Việc nghiên cứu, áp dụng các biện pháp phát triển KNTH cho HS được đề xuất trong luận án sẽ góp phần đổi mới nội dung và phương pháp dạy học ở các trường DBĐHDT theo định hướng biến quá trình đào tạo thành quá trình tự đào tạo, góp phần nâng cao kết quả học tập và chất lượng dạy học của nhà trường.

## **9. Cấu trúc của luận án**

Ngoài phần mở đầu, kết luận và khuyến nghị, nội dung luận án gồm 4 chương:

Chương 1. Cơ sở lý luận về phát triển KNTH cho HS các trường DBĐHDT.

Chương 2. Thực trạng phát triển KNTH cho HS các trường DBĐHDT

Chương 3. Biện pháp phát triển KNTH cho HS các trường DBĐHDT

Chương 4. Thực nghiệm sư phạm

## **Chương 1**

# **CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ PHÁT TRIỂN KỸ NĂNG TỰ HỌC CHO HỌC SINH CÁC TRƯỜNG DỰ BỊ ĐẠI HỌC DÂN TỘC**

### **1.1. Tổng quan vấn đề nghiên cứu**

Các nghiên cứu về phát triển KNTH diễn ra theo hai hướng: Hướng thứ nhất: Phát triển KNTH gắn liền với những nghiên cứu về tự học. Hướng thứ hai: Phát triển KNTH gắn liền với những nghiên cứu về phát triển kỹ năng học tập.

Tổng quan vấn đề nghiên cứu trên thế giới và ở Việt Nam về KNTH đã cho thấy các tác giả đã xem xét tự học một cách tương đối toàn diện như: Vai trò của tự học, KNTH, những biện pháp tổ chức hoạt động dạy học nhằm nâng cao hiệu quả tự học của người học. KNTH được các tác giả quan tâm nghiên cứu trên nhiều phương diện khác nhau, chủ yếu ở một số khía cạnh sau: KNTH được xem như là điều kiện bên trong, quan trọng để nâng cao kết quả học tập; làm rõ khái niệm và bản chất của KNTH, phân loại và mô tả chúng; xây dựng quy trình và cách xác định các biện pháp hình thành KNTH, từ đó vận dụng để rèn luyện các kỹ năng cụ thể. Việc phát triển KNTH của HS được xem xét trong mối quan hệ với quá trình dạy học được tổ chức dưới sự điều khiển của GV thông qua hệ thống các bài tập nhận thức nhằm thực hiện các nhiệm vụ học tập.

Mặc dù có nhiều tác giả nghiên cứu về sự hình thành, hoàn thiện KNTH hay phát triển năng lực tự học với nhiều cách tiếp cận khác nhau, vấn đề quan tâm khác nhau, song có thể nói:

- Hầu hết những công trình nghiên cứu của các tác giả còn mang nặng màu sắc lí luận. Chủ yếu nghiên cứu và phân tích ở bình diện vĩ mô, ở mô hình lí thuyết mà chưa đi vào cụ thể, chưa thực sự và chưa có điều kiện gắn với thực tiễn trong nhà trường Việt Nam, đặc biệt là những môi trường giáo dục đặc thù của các trường DBĐHDT.

- Chưa có nghiên cứu nào đề cập đến một cách đầy đủ cơ sở lí luận cũng như những vấn đề cụ thể về KNTH của HS DBĐHDT

- Chưa có luận án nào tiến hành điều tra, thực nghiệm đo lường các chỉ số trí tuệ của HS DBĐHDT để có những tác động, điều chỉnh tâm lý, hành vi và biện pháp tương ứng nhằm rèn luyện và phát triển KNTH cho HS DBĐHDT.

Có đề tài cũng đã đưa ra những biện pháp, cách thức cụ thể để áp dụng lí thuyết này trong thực tiễn, tuy nhiên không thể chuyên giao,

phổ biến rộng rãi đối với đối tượng áp dụng là HS các trường DBĐHDT, là đối tượng ngoài những đặc điểm chung của lứa tuổi HS THPT còn có những đặc thù riêng của HS người dân tộc thiểu số đang học bổ sung kiến thức chương trình dự bị đại học.

## **1.2. Những khái niệm cơ bản liên quan đến đề tài**

### **1.2.1. Tự học**

*Tự học là hoạt động mang tính độc lập, cá nhân, đòi hỏi có ý thức tự giác cao, có thái độ đúng, có tính mục đích, có mục tiêu rõ ràng, có hệ thống kỹ năng tự học. Tự học thể hiện sự tự điều khiển, tự thiết kế kế hoạch, thực hiện kế hoạch học tập, tự điều chỉnh, tự kiểm tra đánh giá việc học của chính mình theo hướng sáng tạo, nhằm củng cố, mở rộng và phát triển tri thức, kỹ năng, kỹ xảo.*

### **1.2.2. Kỹ năng tự học**

#### **1.2.2.1. Kỹ năng**

Kỹ năng là sự vận dụng tri thức, kinh nghiệm vào hoạt động hay hành động thực tiễn trong điều kiện cụ thể để thực hiện hành động hay hoạt động đó có kết quả theo mục đích đã đề ra. Kỹ năng biểu hiện trình độ các thao tác tư duy, năng lực hành động và mặt kỹ thuật của hành động.

#### **1.2.2.2. Kỹ năng tự học**

KNTH là những phương thức hoạt động trên cơ sở lựa chọn và vận dụng những tri thức, kỹ xảo, kinh nghiệm để thực hiện có kết quả mục tiêu học tập đã đặt ra phù hợp với điều kiện cho phép.

### **1.2.3. Phát triển kỹ năng tự học**

#### **1.2.3.1. Phát triển**

Phát triển là một trường hợp đặc biệt của sự vận động biểu hiện chiều hướng đi lên của các đối tượng trong hiện thực khách quan là quá trình chuyển hóa từ trạng thái này sang trạng thái khác ngày càng hoàn thiện hơn.

#### **1.2.3.2. Phát triển kỹ năng tự học**

Phát triển KNTH là quá trình biến đổi, tăng tiến các KNTH của HS từ mức thấp đến mức độ cao, từ chưa hoàn thiện đến hoàn thiện làm cho việc học tập trở nên có hiệu quả.

## **1.3. Lý luận về kỹ năng tự học và phát triển kỹ năng tự học**

### **1.3.1. Vai trò kỹ năng tự học**

*1.3.1.1. KNTH góp phần hình thành năng lực tự học giúp người học có khả năng học tập suốt đời.*

*1.3.1.2. KNTH là cầu nối giữa học tập và nghiên cứu khoa học*



1.3.1.3. *KNTH quyết định kết quả học tập, chất lượng và hiệu quả học tập*

### **1.3.2. Hệ thống kỹ năng tự học**

Tùy theo cách tiếp cận vấn đề các nhà nghiên cứu đã phân chia KNTH thành các kỹ năng thành phần khác nhau. Theo chúng tôi có thể phân chia KNTH thành các nhóm sau: *Kỹ năng xây dựng kế hoạch tự học; kỹ năng lựa chọn tài liệu; kỹ năng lựa chọn hình thức tự học; kỹ năng xử lý thông tin; kỹ năng vận dụng tri thức vào thực tiễn; kỹ năng trao đổi và chia sẻ thông tin; kỹ năng tự kiểm tra đánh giá*

### **1.3.3. Các giai đoạn hình thành và phát triển kỹ năng tự học của HS**

Nghiên cứu về sự hình thành và phát triển KNTH của các tác giả như: K.K. Platonov và G.G.Golubev; P. Ia Gapenrin; X. I.Kixegof ; F. B. Abbott; Phạm Tất Dong; Nguyễn Văn Phương; Trần Quốc Thành; Bùi Xuân Mai; cho thấy mỗi công trình có những cách phân chia theo các giai đoạn khác nhau. Việc hình thành và phát triển KNTH phải trải qua các giai đoạn từ thấp đến cao.

### **1.3.4. Các mức độ phát triển kỹ năng tự học của HS**

Từ các giai đoạn hình thành kỹ năng, chúng tôi xác định các mức độ phát triển KNTH tương ứng như sau: *Mức độ cao (rất thành thạo); mức độ khá (thành thạo); mức độ thấp (chưa thành thạo).*

## **1.4. Phát triển kỹ năng tự học cho HS các trường Dự bị Đại học Dân tộc**

### **1.4.1. Đặc điểm nhà trường và HS các trường DBĐHDT**

#### **1.4.1.1. Hệ thống các trường DBĐHDT**

Các trường DBĐHDT có nhiệm vụ bồi dưỡng kiến thức văn hóa theo các khối (trước đây) và tổ hợp môn thi của các trường đại học hiện nay cho HS là người dân tộc thiểu số ở các tỉnh miền núi, vùng sâu vùng xa đã tốt nghiệp THPT nhưng chưa đủ điểm vào đại học để có đủ điều kiện vào học tại các trường Đại học.

*Về đối tượng tuyển sinh:* HS thuộc nhóm ưu tiên 1 và thuộc khu vực 1 (KV1) quy định tại Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành.

#### **1.4.1.2. Mục tiêu đào tạo của các trường DBĐHDT**

Mục tiêu của các trường là bổ túc nâng cao trình độ văn hóa cho những HS người dân tộc thiểu số thi trượt Đại học để các em có thể đủ điều kiện về kiến thức học tiếp lên Đại học. Để chiếm lĩnh được mục tiêu đó, HS trường DBĐHDT phải tích cực nỗ lực cao độ, phát huy tối đa nội lực chủ quan trong hoạt động học tập. Đồng thời từng bước phát

triển KNTH của mình để sau thời gian học tập ở trường DBĐHDT, HS có đủ điều kiện cần thiết cho việc học tiếp lên Đại học.

#### *1.4.1.3. Đặc điểm tâm lý của HS các trường DBĐHDT*

- *Về nhận thức:* Đặc điểm nổi bật nhất trong tư duy của HS dân tộc là thói quen lao động trí óc chưa bền, ngại suy nghĩ, ngại động não, các em thường suy nghĩ một chiều, ngại đi sâu vào những vấn đề rắc rối, phức tạp, dễ dàng thừa nhận những điều người khác nói.

- *Về giao tiếp:* Trong giao tiếp các em thường thiếu mềm mỏng nhưng thẳng thắn, chân thành, tuy nhiên do khả năng diễn đạt kém, các em thiếu tự tin trong giao tiếp nên ngại tiếp xúc, ngại phát biểu bảo vệ ý kiến.

- *Một số nét tính cách khác:* Các em sống trung thực, thẳng thắn, giản dị và hồn nhiên, yêu quý lao động, dễ tin. Tuy nhiên, các em thường hay tự ti, mặc cảm cho mình là yếu kém, lạc hậu không thể học giỏi được đặc biệt là tính tự ti, bởi đây chính là một trong những nguyên nhân dẫn đến sự thiếu cố gắng, thiếu nỗ lực trong học tập của HS, điều này hoàn toàn phù hợp với việc khảo sát chỉ số vượt khó (AQ) của HS.

#### *1.4.1.4. Đặc điểm hoạt động tự học của HS các trường DBĐHDT*

- *Môi trường tự học* của HS các trường DBĐHDT có tính chất tập trung, rất thuận lợi khi được tổ chức giám sát, điều khiển ở những địa điểm nhất định. Các trường DBĐHDT đều có những quy định rõ ràng, chặt chẽ trong việc tổ chức hoạt động tự học của HS, đây là đặc điểm hoạt động tự học đặc thù ở hệ thống trường DBĐHDT vì nhờ có môi trường HS ở nội trú thuận lợi, các hình thức tổ chức tự học mới thực sự có hiệu quả.

- *Hình thức tự học* của HS trường DBĐHDT có sự đa dạng phong phú hơn với các hình thức: Học một mình, học có trao đổi với nhóm bạn, với GV; học có GV hướng dẫn chung và riêng.

- *Quyế thời gian dành cho tự học* chiếm phần lớn thời gian nội trú. Thời gian trung bình dành cho tự học của HS trường DBĐHDT hàng ngày từ 5-6h.

- *Mức độ thực hiện nội dung:* HS trường DBĐHDT có khối lượng công việc hoàn thành trong giờ tự học lớn hơn so với HS các trường THPT khác.

- *Sự nỗ lực của bản thân HS* trong tự học chưa cao.

### **1.4.2. Nội dung phát triển KNTH và các KNTH cần thiết cho HS DBĐHDT**

#### **1.4.2.1. Nội dung phát triển KNTH**

Nội dung phát triển KNTH cho HS các trường DBĐHDT bao gồm: Nâng cao nhận thức của HS về vai trò, ý nghĩa của tự học, nắm bắt được các phương pháp tự học và hình thức tự học hiệu quả, nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của việc rèn luyện KNTH, cách thức và con đường rèn luyện KNTH.

#### **1.4.2.2. KNTH cần thiết đối với HS DBĐHDT**

Luận án xác định sáu KNTH quan trọng và cần thiết đối với HS các trường DBĐHDT: Kỹ năng lập kế hoạch tự học; kỹ năng khai thác các tài liệu học tập; kỹ năng tự học trên lớp; kỹ năng làm việc nhóm; kỹ năng giải quyết vấn đề; kỹ năng tự kiểm tra, đánh giá kết quả tự học. Mỗi kỹ năng bao gồm nhiều tiêu KN cụ thể.

### **1.4.3. Phát triển kỹ năng tự học cho HS các trường Dự bị Đại học Dân tộc theo các tiếp cận giáo dục hiện đại**

#### **1.4.3.1. Tiếp cận theo quan điểm học tập thường xuyên, suốt đời**

Tiếp cận phát triển KNTH cho HS theo quan điểm học tập thường xuyên, suốt đời cho thấy KNTH là một kỹ năng rất quan trọng trong cuộc sống, giúp họ có khả năng tự học thường xuyên, suốt đời

#### **1.4.3.2. Tiếp cận từ quan điểm Lý thuyết kiến tạo**

Lý thuyết kiến tạo là một cách tiếp cận “*day*” dựa trên nghiên cứu về việc “*học*” với niềm tin rằng: Tri thức được kiến tạo nên bởi mỗi cá nhân người học sẽ trở nên vững chắc hơn rất nhiều so với việc nhận được từ người khác.

### **1.4.4. Các con đường và hình thức phát triển kỹ năng tự học cho HS các trường Dự bị Đại học Dân tộc**

#### **1.4.4.1. Phát triển kỹ năng tự học cho HS thông qua dạy học**

***Dạy học là một con đường cơ bản và quan trọng nhất để phát triển KNTH cho HS.***

#### **1.4.4.2. Phát triển KNTH cho HS DBĐHDT thông qua giờ tự học cho HS**

***Hoạt động tự học có tính chất đặc thù của trường DBĐHDT, nó cũng là điều kiện thuận lợi để phát triển KNTH cho HS.***

#### **1.4.4.3. Phát triển KNTH cho HS DBĐHDT thông qua hoạt động trải nghiệm của HS**

***Đây là con đường phát triển KNTH bền vững nhất.***

#### 1.4.4.4. Hình thức phát triển KNTH cho HS

- Lồng ghép, tích hợp phát triển KNTH vào môn học và từng bài học.
- Tổ chức giờ tự học cho HS; Tổ chức lớp học ngoại khóa về KNTH
- Tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo gắn với môn học; Tổ chức câu lạc bộ môn học; E-learning (học tập, đào tạo dựa trên CNTT&TT).

#### 1.4.5. Các yếu tố ảnh hưởng tới sự phát triển kỹ năng tự học cho HS trường DBĐHDT

*Các yếu tố thuộc về HS.*

*Các yếu tố thuộc về GV.*

*Các yếu tố thuộc về môi trường sư phạm:* Các yếu tố tác động ảnh hưởng tới sự phát triển KNTH của HS bao gồm: *Chương trình và mục tiêu giáo dục của nhà trường; tập thể HS; cán bộ quản lý nhà trường; điều kiện phương tiện bảo đảm.*

### Kết luận chương 1

Các nghiên cứu trên thế giới và ở Việt Nam về KNTH đã cho thấy các tác giả đã xem xét tự học một cách tương đối toàn diện như: Vai trò của tự học, KNTH, những biện pháp tổ chức hoạt động dạy học nhằm nâng cao hiệu quả tự học của người học. KNTH được các tác giả xem xét trong mối quan hệ với hoạt động dạy của quá trình dạy học.

Mặc dù có nhiều tác giả nghiên cứu về sự hình thành, hoàn thiện KNTH hay phát triển năng lực tự học với nhiều cách tiếp cận khác nhau, vấn đề quan tâm khác nhau, song có thể nói:

Chưa có nghiên cứu nào tiến hành điều tra, khảo sát cơ sở trí tuệ của tự học, tiến hành thực nghiệm đo lường các chỉ số trí tuệ để có những tác động và biện pháp tương ứng để rèn luyện và phát triển KNTH cho HS, đặc biệt là với đối tượng áp dụng là HS DBĐHDT, là người dân tộc thiểu số đang học bổ sung kiến thức văn hóa để vào Đại học.

Trên cơ sở tham khảo có kế thừa các kết quả nghiên cứu trước đây và nghiên cứu có được về đặc điểm hoạt động học tập của HS DBĐHDT, chúng tôi xác định được nội dung, hình thức phát triển KNTH của HS DBĐHDT; xây dựng được hệ thống gồm 6 KNTH với 32 tiểu kỹ năng thành phần; lựa chọn các con đường phát triển KNTH cho HS DBĐHDT. Chúng tôi cũng xác định được các yếu tố ảnh hưởng tới sự phát triển KNTH cho HS trường DBĐHDT bao gồm các yếu tố thuộc về cả HS, GV và môi trường sư phạm. Đây sẽ là cơ sở lý luận quan trọng để chúng tôi đề xuất các biện pháp phát triển KNTH cho HS các trường DBĐHDT.

## **Chương 2**

### **THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN KỸ NĂNG TỰ HỌC CHO HỌC SINH CÁC TRƯỜNG DỰ BỊ ĐẠI HỌC DÂN TỘC**

#### **2.1. Một số vấn đề chung về khảo sát thực trạng**

Khảo sát nhằm tìm hiểu thực trạng hoạt động tự học, KNTH của HS và thực trạng hoạt động dạy học theo hướng phát triển KNTH của GV các trường DBĐHDT.

Chúng tôi tiến hành khảo sát thực trạng tại 3 trường là: Dự bị Đại học Dân tộc Trung ương, Dự bị Đại học Dân tộc Trung ương Nha Trang, Dự bị Đại học Dân tộc Sầm Sơn (Đối tượng khảo sát: 600 HS, 106 cán bộ quản lý và GV).

Thời gian khảo sát: Năm học 2013 - 2014

#### **2.2. Kết quả khảo sát**

##### **2.2.1. Khảo sát năng lực trí tuệ của HS trường DBĐHDT**

Để thực hiện luận án, chúng tôi đã phối hợp với Trung tâm nghiên cứu nhân chủng và phát triển trí tuệ của Đại học Quốc gia Hà Nội để tiến hành khảo sát năng lực trí tuệ của 449 HS tại Trường Dự bị Đại học Dân tộc Trung ương, kết quả thu được như sau :

- *Về chỉ số thông minh (IQ)*: IQ trung bình của HS là  $100,44 \pm 13,743$  điểm, đại bộ phận HS có chỉ số IQ đạt mức IQ trung bình (IQ mức trung bình có giá trị từ 90 đến 109). HS nam có IQ trung bình cao hơn so với HS nữ. IQ trung bình của HS dân tộc Tày có giá trị lớn hơn so với IQ của HS các dân tộc khác.

- *Về chỉ số cảm xúc (EQ)*: EQ trung bình của HS là  $19,86 \pm 3,425$  điểm, đại đa số HS có chỉ số EQ đạt mức trên mức trung bình (EQ trung bình có giá trị là 15 điểm).

- *Về chỉ số vượt khó (AQ)*: AQ trung bình của HS là  $134,88 \pm 19,041$  điểm, đại đa số HS có chỉ số AQ đạt mức dưới trung bình (AQ trung bình có giá trị là 147,5 điểm).

##### **2.2.2. Thực trạng tự học của HS các trường DBĐHDT**

###### **2.2.2.1. Nhận thức của GV và HS về vai trò của tự học trong hoạt động học tập tại nhà trường**

Đa số HS và GV đều nhận thức được việc tự học là cần thiết với HS trong quá trình học tập tại Nhà trường (HS 95%; GV 92,5%). *Về vai trò của hoạt động tự học*: Có 78,8% HS cho rằng hoạt động tự học có tác dụng giúp họ có khả năng tự đánh giá bản

thân ; có 62,3% HS nhận thấy hoạt động TH sẽ giúp họ vững vàng trong công tác sau này.

*2.2.2.2. Mục đích, thời gian và phương pháp tự học của HS các trường DBĐHDT*

a) *Mục đích tự học của HS:* Mục đích tự học của đa số HS (>80% đồng ý và hoàn toàn đồng ý) đều xuất phát từ những lợi ích ngắn hạn trong thời gian học tập tại Nhà trường,

b) *Thời gian tự học của HS:* Đa số HS (92,5%) dành thời gian từ 3 đến 5 giờ một ngày để tự học, trong thời gian ôn thi các em dành trên 5 giờ một ngày để tự học (95%).

c) *Thực trạng về phương pháp tự học của HS:* HS thường sử dụng những cách học quen thuộc từ khi còn là HS phổ thông (học nguyên vở ghi, giờ xem lí thuyết rồi làm bài tập).

**2.2.3. Thực trạng phát triển KNTH cho HS trường DBĐHDT**

*2.2.3.1. Thực trạng mức độ GV phát triển KNTH cho HS.*

GV trong quá trình dạy học đã bước đầu trang bị và rèn luyện cho HS các KNTH cần thiết. Tuy nhiên mức độ rèn luyện còn hạn chế, mới chỉ tập trung chủ yếu vào một số KNTH như: Các kỹ năng tự học trên lớp; kỹ năng giải quyết các vấn đề trong học tập.

*2.2.3.2. Thực trạng mức độ sử dụng các phương pháp dạy học để phát triển KNTH cho HS*

Trong hoạt động dạy học hàng ngày một số phương pháp dạy học tích cực đã được nhiều GV (>50%) thường xuyên sử dụng trong hoạt động dạy học của mình nhằm phát huy tính tích cực, qua đó phát triển các KNTH của HS.

*2.2.3.3. Thực trạng về mức độ sử dụng những hình thức phát triển KNTH cho HS:* GV ở trường DBĐHDT đã áp dụng ở mức thường xuyên một số hình thức nhằm phát triển KNTH cho HS như: Thiết kế các nội dung dạy học lồng ghép việc phát triển các KNTH ; tổ chức HS làm việc theo nhóm, thảo luận các vấn đề đã tự nghiên cứu; tổ chức các Câu lạc bộ theo môn, phân học, tổ chức các hoạt động ngoại khóa.

*2.2.3.4. Thực trạng KNTH của HS*

*Chúng tôi tập trung đánh giá các KNTH sau:*

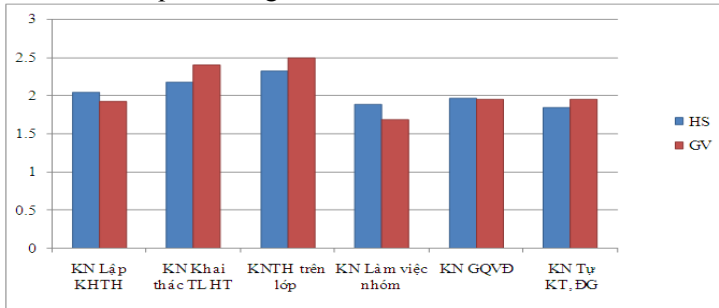
- \* *Kỹ năng lập kế hoạch tự học của HS.*
- \* *Kỹ năng khai thác các tài liệu học tập*
- \* *Kỹ năng tự học trên lớp của HS*
- \* *Kỹ năng làm việc nhóm của HS*

\* *Kỹ năng giải quyết vấn đề trong học tập của HS*

\* *Kỹ năng tự kiểm tra, đánh giá kết quả tự học của HS*

Qua phân tích mức độ đạt được của từng KNTH, tổng hợp mức độ đạt được các KNTH thành phần của HS DBĐHDT cho thấy: KNTH của HS các trường DBĐHDT đều hạn chế. Trong đó các kỹ năng thành phần: Kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng lập kế hoạch tự học ở mức trung bình (<2,00).

Thăm dò đánh giá về mức độ đạt được các KNTH của HS từ phía GV chúng tôi cũng thu được kết quả tương đồng với kết quả tự đánh giá của HS. Kết quả đánh giá được thể hiện ở biểu đồ 2.1.



**Biểu đồ 2.1. Tự đánh giá của HS và đánh giá của GV về mức độ đạt được các KNTH của HS**

#### 2.2.3.5. Những khó khăn của GV và HS khi phát triển KNTH cho HS.

Việc phát triển KNTH cho HS trường DBĐHDT gặp nhiều khó khăn cả về phía khách quan và phía chủ quan. Trong đó nổi lên một số khó khăn chủ yếu như: GV thiếu vốn kiến thức về dạy KNTH (82%); GV ít có điều kiện trao đổi kinh nghiệm về dạy KNTH cho HS (80,2%); Chương trình học chưa tạo điều kiện để phát triển KNTH (76,4%); Khả năng nhận thức của HS còn chậm (74,5%)...

#### 2.2.4. Thực trạng các yếu tố ảnh hưởng đến phát triển KNTH cho HS trường DBĐHDT

Qua khảo sát với 106 thầy, cô giáo và cán bộ quản lý trên 3 nhóm yếu tố chính: các yếu tố thuộc về HS, các yếu tố thuộc về GV và các yếu tố thuộc về môi trường sư phạm. Kết quả cho thấy đa số GV và cán bộ quản lý đã nhận thức rất cao về ảnh hưởng của 3 nhóm yếu tố đến sự phát triển KNTH của HS. Ba nhóm yếu tố này có vai trò quan trọng, quyết định trong việc hình thành, phát triển và rèn luyện các KNTH cho HS DBĐHDT.

## **Kết luận chương 2**

1. Đa số GV và HS đã nhận thức được tầm quan trọng của tự học và các KNTH đối với hoạt động tự học của HS. Trong hoạt động học tập hàng ngày GV đã bước đầu chú ý tới việc rèn luyện và phát triển KNTH cho HS thông qua việc thiết kế các nội dung, tổ chức các hoạt động học tập phát huy tính tích cực của người học.

2. KNTH của HS trường DBĐHDT là kỹ năng phức hợp bao gồm nhiều kỹ năng, chúng tôi khảo sát sáu kỹ năng bộ phận quan trọng và cần thiết đối với HS DBĐHDT. Căn cứ vào đối tượng, chương trình giảng dạy, mục tiêu đào tạo và đặc điểm hoạt động tự học, chúng tôi cho rằng việc rèn luyện và phát triển các KNTH trên cho HS trường DBĐHDT có ý nghĩa quan trọng trong thời gian các em học tập tại Nhà trường và chuẩn bị các kỹ năng cần thiết cho các em chuẩn bị bước vào học tập tại các trường Đại học. Qua khảo sát thực trạng việc rèn luyện và phát triển KNTH từ phía HS; CBQL và GV cho thấy các KNTH của HS đạt thành thạo ở mức trung bình; trong đó kỹ năng làm việc nhóm và kỹ năng giải quyết vấn đề của HS còn nhiều hạn chế. Sự hạn chế của thực trạng trên là do nhiều nguyên nhân: GV và HS còn quen với cách dạy và cách học cũ; GV thiếu kinh nghiệm dạy kỹ năng, HS hạn chế về khả năng tự duy.

3. Việc phát triển các KNTH cho HS trường DBĐHDT bị ảnh hưởng bởi những điều kiện bên trong và những yếu tố khách quan bên ngoài. Có 3 nhóm yếu tố chính: Yếu tố thuộc về HS, yếu tố thuộc về GV, CBQL và những yếu tố thuộc về môi trường sư phạm, các yếu tố này có mối quan hệ biện chứng, tác động qua lại lẫn nhau tạo ra tổng thể của môi trường sư phạm tương tác.

## **Chương 3**

### **BIỆN PHÁP PHÁT TRIỂN KỸ NĂNG TỰ HỌC CHO HỌC SINH CÁC TRƯỜNG DỰ BỊ ĐẠI HỌC DÂN TỘC**

#### **3.1. Nguyên tắc đề xuất các biện pháp**

Bao gồm các nguyên tắc: Đảm bảo mục tiêu giáo dục, đào tạo của Nhà trường; đảm bảo phát huy tính chủ động, tích cực sáng tạo của người học; đảm bảo tính đồng bộ hệ thống; đảm bảo tính thực tiễn, khả thi và hiệu quả.



## **3.2. Các biện pháp phát triển KNTH cho HS các trường DBĐHDT**

Mỗi biện pháp được xây dựng theo cấu trúc: Mục tiêu và ý nghĩa của biện pháp; nội dung biện pháp; cách thức tiến hành biện pháp; điều kiện thực hiện biện pháp.

### **3.2.1. Nhóm biện pháp phát triển KNTH thông qua dạy học**

#### **3.2.1.1. Phát triển chương trình môn học của Trường DBĐHDT định hướng phát triển kỹ năng tự học cho HS**

Phát triển chương trình là một quá trình liên tục nhằm hoàn thiện không ngừng chương trình giáo dục. Theo quan điểm này chương trình giáo dục dành cho HS DBĐHDT là một thực thể không phải được thiết kế một lần và dùng cho mãi mãi, mà được phát triển, bổ sung, hoàn thiện tùy theo sự thay đổi của trình độ phát triển kinh tế - xã hội, của thành tựu khoa học - kỹ thuật và công nghệ, theo xu hướng phát triển của giáo dục phổ thông và giáo dục đại học.

Thực hiện nghị quyết 29 của Ban chấp hành Trung ương về đổi mới căn bản và toàn diện, giáo dục phổ thông và giáo dục đại học đã có những bước chuyển biến mạnh mẽ, xây dựng lại chương trình giáo dục phổ thông và chương trình đào tạo đại học theo định hướng tiếp cận năng lực. Điều này đòi hỏi chương trình các trường DBĐHDT cần có sự thay đổi theo tiếp cận năng lực để có thể là “*khớp nối hoàn hảo*” cho hai chương trình trên.

Phát triển chương trình môn học của trường DBĐHDT theo hướng tiếp cận năng lực giúp HS dân tộc thiểu số đạt được các mục tiêu “*Học để biết, học để làm, học để tự khẳng định và học để cùng chung sống*”. Sau khi kết thúc môn học, HS không chỉ học được kiến thức, kỹ năng, thái độ mà còn học cách giải quyết vấn đề, có kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng sống và các KNTH khác.

#### **3.2.1.2. Thiết kế tiến trình dạy học theo hướng phát triển KNTH cho HS các trường DBĐHDT**

Dạy học là một quá trình toàn vẹn, các yếu tố cấu thành quá trình dạy học có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Dạy học hướng tới việc phát triển KNTH thường xuyên và tự học suốt đời cho HS cần được tổ chức theo một trình tự hợp lý và logic: Từ việc xác định mục tiêu của bài học, môn học đến việc tổ chức dạy học trên lớp và kiểm tra, đánh giá kết quả dạy học.

Tổ chức dạy học theo hướng phát triển KNTH cho HS giúp hình thành và phát triển ở HS DBĐHDT hệ thống các KNTH. Qua đó góp

phần thực hiện 4 mục tiêu: “*Học để biết, học để làm, học để tự khẳng định và học để cùng chung sống*”.

### 3.2.1.3. *Đổi mới kiểm tra, đánh giá kết quả học tập theo hướng phát triển KNTH cho HS các trường DBĐHDT*

Xu hướng đổi mới hiện nay là “*đánh giá vì sự tiến bộ của người học*”, chính vì vậy mà đánh giá được coi là một phần của bài học, tích hợp vào kế hoạch lên lớp và đánh giá quá trình được coi trọng.

Kiểm tra, đánh giá có chức năng xác nhận, điều chỉnh và phát triển quá trình dạy học, chính vì vậy để phát triển KNTH cho HS trường DBĐHDT cần thiết phải có định hướng đổi mới hoạt động kiểm tra đánh giá.

Chúng tôi nghiên cứu và đề xuất:

- Hình thức và phương pháp đánh giá KNTH của HS.
- Các bước tiến hành đánh giá kết quả học tập của HS theo định hướng phát triển KNTH.
- Xây dựng tiêu chí đánh giá giờ giảng của GV theo hướng đánh giá hoạt động dạy học tích hợp phát triển KNTH cho HS.

### 3.2.2. *Nhóm biện pháp phát triển KNTH thông qua tổ chức giờ tự học*

#### 3.2.2.1. *Tổ chức dạy KNTH theo module cho HS Trường DBĐHDT (Tổ chức các module KNTH theo tiếp cận giáo dục kỹ năng sống)*

Kỹ năng tự học bao gồm các kỹ năng thành phần. Mỗi kỹ năng có đặc điểm và hệ thống thao tác riêng biệt. Vì vậy có thể rèn luyện từng kỹ năng riêng biệt cho HS DBĐHDT.

Đối với HS trường DBĐHDT, ngoài thời gian học các môn học trên lớp còn có thời gian tự học bắt buộc có sự tổ chức, giám sát của GV.

Chúng tôi nghiên cứu thiết kế quy trình dạy các KNTH cần thiết cho HS DBĐHDT theo tiếp cận kỹ năng sống nhằm cung cấp cơ sở lý thuyết và thực hành để HS phát triển KNTH trong cuộc sống và trong suốt quá trình học tập ở nhà trường.

Quá trình dạy các KNTH tiến hành khi các em bắt đầu nhập trường, hoàn toàn bỏ ngõ trước môi trường học tập mới.

#### 3.2.2.2. *Tổ chức giờ tự học kết hợp linh hoạt các hình thức học cá nhân và học nhóm nhằm phát triển KNTH cho HS trường DBĐHDT*

Hoạt động tự học ngoài giờ học chính khoá trên lớp có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, ảnh hưởng trực tiếp tới hiệu quả học tập. Đây là hoạt động tiếp sau giờ học trên lớp và chuẩn bị cho giờ học tiếp theo. Hoạt động này nhằm các mục đích sau:

- Mở rộng, đào sâu, hệ thống hoá và khái quát hoá những điều đã học ở trên lớp, làm cho vốn hiểu biết của HS được hoàn thiện hơn.

- Rèn luyện kĩ năng, kĩ xảo vận dụng những tri thức của mình vào các tình huống, kể cả tình huống nảy sinh từ cuộc sống.

- Chuẩn bị lĩnh hội tri thức mới bằng cách đọc trước bài trong sách giáo khoa, làm trước thí nghiệm, thực nghiệm đơn giản theo sự chỉ dẫn của GV.

- Tự bồi dưỡng tinh thần trách nhiệm, tính tự giác, độc lập, tính kỉ luật, tính tổ chức, tính kế hoạch trong học tập.

Đối với HS DBĐHDT, giờ tự học được quy định rõ ràng về thời gian và địa điểm học tập. Trong biện pháp này, chúng tôi nghiên cứu và đề xuất cách thức tổ chức giờ tự học có kết hợp các hình thức tự học cá nhân và tự học nhóm cho HS DBĐHDT

### **3.2.3. Nhóm biện pháp phát triển KNTH cho HS trường DBĐHDT thông qua hoạt động trải nghiệm của HS**

#### **3.2.3.1 Tổ chức Câu lạc bộ môn học nhằm phát triển KNTH cho HS trường DBĐHDT**

Câu lạc bộ môn học là nơi sinh hoạt khoa học về một lĩnh vực nhất định như nghe báo cáo của các nhà chuyên môn, phổ biến kiến thức theo chuyên đề, tọa đàm về nội dung khoa học, ...

Tổ chức Câu lạc bộ môn học nhằm mục đích:

- Phát huy những sở trường, năng khiếu, năng lực về một lĩnh vực khoa học của HS, tạo điều kiện để HS phát triển định hướng nghề nghiệp của mình sau này.

- Trang bị những tri thức, kĩ năng cần thiết gắn với nội dung khoa học để vận dụng vào thực tiễn đời sống xã hội, góp phần phát triển và hoàn thiện nhân cách.

- Tạo môi trường để HS giao tiếp, ứng xử, vui chơi giải trí lành mạnh...

Như vậy, biện pháp này nhằm đề xuất cách thức tạo môi trường để HS trải nghiệm, giao lưu, học hỏi và quan trọng hơn là phát triển hứng thú học tập, niềm yêu thích đối với môn học. Từ đó thúc đẩy HS tự học và phát triển KNTH.

#### **3.2.3.2. Thiết kế website hỗ trợ hoạt động tự học cho HS trường DBĐHDT**

Thiết kế các website hướng dẫn tự học giúp cho HS khắc phục được các khoảng cách về thời gian và không gian trong việc học tập. Các em có thể học mọi lúc, mọi nơi, bằng nhiều công cụ kết nối như máy tính cá nhân, laptop, máy tính bảng, điện thoại smartphone. Từ

đó dẫn đến nâng cao hiệu quả của việc tự học. Đồng thời cũng góp phần định hướng HS tiếp xúc CNTT, Internet một cách lành mạnh và tạo hứng thú học tập. Mặt khác, tạo môi trường cho HS tự trải nghiệm để hình thành và phát triển KNTH, góp phần hình thành năng lực tự học suốt đời cho HS.

### **3.3. Mối quan hệ giữa các biện pháp**

Trên cơ sở xây dựng quy trình chung nhằm phát triển KNTH cho HS, luận án đề cập tới 7 biện pháp tác động thông qua ba con đường lớn: Thông qua dạy học, thông qua tổ chức giờ tự học, thông qua tổ chức hoạt động trải nghiệm cho HS. Các biện pháp có mối quan hệ thống nhất biện chứng với nhau. Mỗi biện pháp có một vai trò riêng nhưng muốn phát triển KNTH cho HS DBĐHDT một cách bền vững và có hiệu quả cần phối hợp đồng bộ các biện pháp trên.

### **Kết luận chương 3**

Dựa trên những nghiên cứu lý luận và thực tiễn, chúng tôi đã xác định 4 nguyên tắc đề xuất các biện pháp từ đó luận án xây dựng 7 biện pháp phát triển KNTH cho HS các trường DBĐHDT.

Tương ứng với các con đường phát triển, 7 biện pháp phát triển KNTH cho HS các trường DBĐHDT, bao gồm: Phát triển chương trình môn học, tổ chức dạy học, tổ chức kiểm tra, đánh giá theo hướng phát triển KNTH cho HS; tổ chức dạy KNTH theo tiếp cận module, tổ chức giờ tự học kết hợp linh hoạt các hình thức học tập của học sinh; tổ chức các Câu lạc bộ môn học, thiết kế website hỗ trợ hoạt động tự học. Các biện pháp đã bao phủ tất cả những hoạt động của HS các trường DBĐHDT, phù hợp với điều kiện đặc trưng của các trường DBĐHDT. Đảm bảo cho HS có điều kiện phát triển KNTH một cách thường xuyên và liên tục.

Các biện pháp được đề xuất có mối quan hệ chặt chẽ với nhau, để phát triển KNTH cho HS DBĐHDT thì phải tiến hành đồng bộ các giải pháp được đề xuất thì mới nâng cao được chất lượng đào tạo trong các nhà trường.

## Chương 4 THỰC NGHIỆM SỰ PHẠM

### 4.1. Mục đích thực nghiệm

Thực nghiệm được tiến hành nhằm thẩm định về tính hiệu quả và tính khả thi của các biện pháp phát triển KNTH cho HS trường ĐBĐHDT. Chúng tôi lựa chọn một số kỹ năng để tiến hành thực nghiệm sự phạm bao gồm: Kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng khai thác các tài liệu học tập (kỹ năng khai thác tài liệu từ Website hỗ trợ tự học).

### 4.2. Kết quả và đánh giá

#### 4.2.1. Kết quả định lượng

##### 4.2.1.1. Kết quả phát triển KNTH của HS

###### a) Kỹ năng làm việc nhóm

*\* Với đối tượng đánh giá là HS*

Ở lần KT1 vẫn còn một tỷ lệ đáng kể HS (38,8%) có mức độ kỹ năng làm việc nhóm ở mức chưa thành thạo (M3), tỷ lệ này có xu hướng giảm trong lần KT2 (25,4%) và tiếp tục giảm trong lần KT3 (11,9%); tỷ lệ HS đạt kỹ năng ở mức rất thành thạo trong lần KT1 ở mức trung bình, có sự tăng nhẹ ở lần KT2 và tiếp tục tăng mạnh ở lần KT3.

*\* Với đối tượng đánh giá là nhóm HS* chúng tôi cũng thu được kết quả tương tự, số HS đạt mức rất thành thạo - Giỏi về kỹ năng này đã có sự tăng lên đáng kể (từ 25,4% đến 43,3% và 68,7%), số HS ở mức chưa thành thạo đã giảm đi đáng kể (từ 34,3% xuống 19,4% và đến lần KT3 còn lại 6,0%). Kết quả này cho phép chúng tôi kết luận các biện pháp sự phạm tác động đến việc phát triển kỹ năng làm việc nhóm của HS đã mang lại hiệu quả.

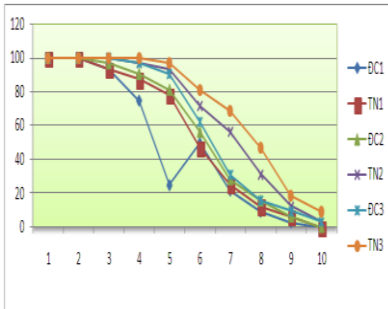
###### b) Kỹ năng giải quyết vấn đề

Thông kê cho thấy, lần KT1 tỷ lệ HS đạt kỹ năng giải quyết vấn đề ở mức M1 chiếm tỷ lệ khá cao, tỷ lệ này còn tiếp tục tăng nhẹ ở lần KT2 (tăng 4,5%) và đặc biệt tăng mạnh ở lần KT3 (tăng tiếp 25,4%); tỷ lệ HS không đạt KN này trong lần KT1 chiếm tỷ lệ khá cao (40,3%) và có sự giảm dần ở lần KT2 (17,9%) và lần KT3 (7,5%).

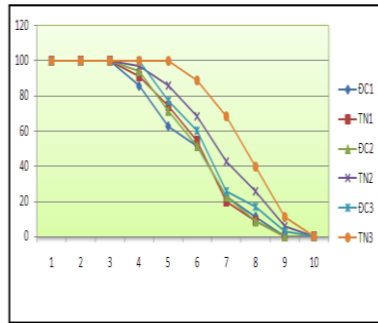
Như vậy, biện pháp rèn luyện kỹ năng giải quyết vấn đề tuy HS bắt nhịp hơi chậm so với các kỹ năng làm việc nhóm nhưng cuối đợt TNSP số HS đạt được kỹ năng này ở mức thành thạo chiếm tỷ lệ rất cao, giảm số HS không đạt kỹ năng, tăng số HS đạt KN ở mức thành thạo.

#### 4.2.1.2. Kết quả lĩnh hội kiến thức của HS

- Tổng hợp phân phối tần suất điểm môn Toán và Văn qua ba lần kiểm tra



**Biểu đồ 4.1. Tần suất hội tụ tiến (f)- số HS đạt điểm  $X_i$  (%) trở lên qua 3 lần KT môn Toán**



**Biểu đồ 4.2. Tần suất hội tụ tiến (f)- số HS đạt điểm  $X_i$  (%) trở lên qua 3 lần KT môn Văn**

Ta thấy đường hội tụ tiến của nhóm TN luôn nằm bên phải và cao hơn nhóm ĐC và có sự tịnh tiến về bên phải sau các lần KT. Trong khi đó, đường tần suất hội tụ tiến của nhóm ĐC nằm bên trái so đường tần suất của nhóm TN và ít có sự thay đổi qua các lần KT. Tần suất xuất hiện tỷ lệ HS đạt điểm ở mức khá (>7) trở lên ở nhóm TN luôn cao hơn ĐC.

#### 4.2.2. Phân tích kết quả định tính

4.2.2.1 *Tinh thần, thái độ học tập của HS: Sau mỗi lần tiến hành TNSP động cơ, ý thức học tập của HS ngày càng tốt hơn HS tự tin và hứng thú với việc học hơn.*

4.2.2.2. *Sự phát triển KN làm việc nhóm và KN giải quyết vấn đề của HS qua rèn luyện*

Trong quá trình TNSP, ở giai đoạn đầu, GV tổ chức dạy học các modul kỹ năng làm việc nhóm và kỹ năng giải quyết vấn đề kèm theo các ví dụ minh họa cụ thể, về sau của quá trình TNSP, GV chỉ cần nêu nhiệm vụ cho từng nhóm, HS tự xác định và vận dụng các kỹ năng cần có để giải quyết các nhiệm vụ học tập. Đến giai đoạn cuối của TNSP, GV giao nhiệm vụ, HS chủ động vận dụng các kỹ năng đã có một cách thành thạo để tổ chức và vận hành tốt hoạt động làm việc theo nhóm một cách hiệu quả.

### **4.2.3. Đánh giá kỹ năng khai thác tài liệu từ Website hỗ trợ tự học dành cho HS**

Kỹ năng khai thác tài liệu học tập của HS được chúng tôi tiến hành thực nghiệm với việc đánh giá kỹ năng khai thác tài liệu học tập từ Website hỗ trợ tự học môn học cho học sinh. Kết quả đánh giá theo từng giai đoạn thực nghiệm. Kết quả tổng hợp cho thấy hầu hết HS đều đánh giá cấu trúc của Website thuận lợi, đáp ứng được nhu cầu tự học của HS ở mức độ từ tốt đến rất tốt (>85%) điều này có ý nghĩa quan trọng trong việc tiếp cận và tìm kiếm tài liệu của các em.

### **Kết luận chương 4**

Phân tích kết quả TNSP cho thấy:

- *Về hiệu quả lãnh hội kiến thức:* Qua 3 lần KT, nhóm TN có điểm số cao hơn hẳn nhóm ĐC và có sự gia tăng, ổn định hơn sau mỗi lần tiến hành KT. Trong khi nhóm ĐC có sự thay đổi nhưng sự thay đổi này là nhỏ, không đồng đều và không có ý nghĩa về mặt thống kê. Điều này chứng tỏ, KNTH có tác động tích cực tới việc lãnh hội kiến thức của HS.

- *Về phát triển KNTH:* Trước TNSP số HS đạt các mức độ KNTH ở 2 nhóm KN làm việc nhóm và KN giải quyết vấn đề đạt ở mức trung bình, sau khi có tác động sự phạm theo các biện pháp phát triển KNTH, tỷ lệ HS đạt KNTH ở mức M1 - Rất thành thạo tăng lên đáng kể sau mỗi lần KT. Điều này cho thấy hiệu quả của các biện pháp phát triển KNTH mà luận án đã đề xuất.

- *Về tinh thần thái độ học tập:* Trong nhóm TN, HS tỏ ra chủ động và tích cực, độc lập trong suy nghĩ và tìm hướng giải quyết vấn đề nảy sinh trong học tập, làm việc nhóm tỏ ra hiệu quả tới việc nâng cao khả năng giao tiếp, trách nhiệm với tập thể của HS, qua đó HS lãnh hội kiến thức tốt hơn.

## KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

### 1. Kết luận

1.1. Tự học và phát triển KNTH được nhiều nhà khoa học quan tâm nghiên cứu làm sáng tỏ nhiều vấn đề lý luận và thực tiễn. Các nghiên cứu đều khẳng định vai trò, tầm quan trọng của tự học nói chung, KNTH nói riêng và đưa ra những đề xuất để nâng cao hiệu quả tự học. Tự học gắn liền với đặc điểm của người học, của từng môi trường giáo dục vì vậy nghiên cứu phát triển KNTH cho HS các trường DBĐHDT là cần thiết, góp phần thực hiện tốt sứ mệnh cao cả của các trường DBĐHDT, góp phần đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cho các vùng dân tộc thiểu số.

1.2. Phát triển KNTH cho HS các trường DBĐHDT là quá trình tác động nhằm biến đổi, tăng tiến các KNTH của HS từ mức thấp đến mức độ cao, từ chưa hoàn thiện đến hoàn thiện làm cho việc học tập trở nên có hiệu quả. Căn cứ vào đặc điểm tâm lý trí tuệ của học sinh dân tộc, mục tiêu đào tạo của trường, chúng tôi xây dựng nội dung, con đường và hình thức phát triển KNTH cho HS các trường DBĐHDT; xác định các yếu tố ảnh hưởng đến việc phát triển KNTH cho HS.

1.3. Kết quả khảo sát thực trạng cho thấy KNTH của HS các trường DBĐHDT còn thấp. Nguyên nhân tồn tại hạn chế đó là: Do điều kiện và địa bàn sinh sống, học tập của HS DBĐHDT còn nhiều khó khăn, đội ngũ GV chưa chú trọng đến việc phát triển KNTH cho HS. Chương trình đào tạo còn đang mang nặng tính chuẩn về nội dung chưa chú trọng đến chuẩn năng lực của người học. Nội dung chương trình còn nặng về lý thuyết, ít thực hành và thực tập trải nghiệm thực tế. Việc tổ chức dạy học tích hợp; các hoạt động giáo dục, giảng dạy, rèn luyện để phát triển KNTH cho HS còn nhiều hạn chế. Từ đó, chúng tôi xác định phát triển KNTH cần được tích hợp và trong chương trình đào tạo của nhà trường, cần có định hướng để giáo viên chủ động trong việc phát triển KNTH cho HS trong tổ chức dạy học và kiểm tra, đánh giá, tổ chức các hoạt động ngoại khóa.

1.4. Dựa trên những phân tích sâu về lý luận và thực tiễn, tác giả luận án đã đề xuất 3 nhóm biện pháp ( với 7 biện pháp cụ thể) phát triển KNTH cho HS các trường DBĐHDT. Kết quả thực nghiệm sư



phạm đã bước đầu khẳng định tính khả thi và hiệu quả của những đề xuất trên. Tuy nhiên đây mới chỉ là những kết quả nghiên cứu ban đầu, cần tiếp tục phát triển và triển khai trên diện rộng, sẽ mang lại giá trị rất lớn trong quá trình đào tạo HS là người dân tộc thiểu số ở các trường DBĐHDT

## **2. Khuyến nghị**

### **2.1. Với Bộ Giáo dục & Đào tạo**

Chỉ đạo việc rà soát sửa đổi chương trình, nội dung đào tạo của các trường Dự bị Đại học, DBĐHDT theo hướng tiếp cận năng lực.

Bộ Giáo dục & Đào tạo cần phối hợp với các Bộ liên quan ban hành văn bản quy định về cơ chế phối hợp giữa các trường Dự bị Đại học, DBĐHDT với các trường Đại học để tiếp cận xây dựng chuẩn đầu ra, xây dựng chương trình đào tạo phù hợp với sứ mệnh và mục tiêu đào tạo của trường DBĐHDT.

Tổ chức tập huấn các nội dung đổi mới phương pháp giảng dạy cho đội ngũ giáo viên các trường DBĐHDT để nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản toàn diện GD&ĐT theo tinh thần NQ29 của BCHTW Đảng khóa XI.

### **2.2. Với các trường Dự bị Đại học Dân tộc**

Tạo sự đồng thuận, nhất quán về nhận thức trong cán bộ, giáo viên, viên chức, HS của nhà trường về tầm quan trọng của việc phát triển KNTH cho HS.

Xây dựng cơ chế quản lý phù hợp giữa việc phát triển chương trình đào tạo của nhà trường với việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo để phát triển KNTH cho HS.

Thực hiện đổi mới PPDH, dạy học sinh cách tự học, tự nghiên cứu, tạo cơ hội để HS được tham gia nhiều hoạt động trải nghiệm thực tế, và rèn luyện các kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giải quyết vấn đề.

Đầu tư, xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học hiện đại để đáp ứng nhu cầu dạy và học ở mọi lúc, mọi nơi.

Phối hợp với các cơ sở giáo dục Đại học để nắm bắt thông tin, kết quả học tập của HS từ đó có những điều chỉnh cho phù hợp với yêu cầu đổi mới của các cơ sở Giáo dục Đại học.

### **2.3. Đối với giáo viên các trường Dự bị Đại học Dân tộc**

Phải thực sự yêu nghề và có nhận thức đúng đắn về mối quan hệ tương hỗ giữa việc rèn luyện, phát triển KTNH cho HS với việc nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo trong Nhà trường để từ đó triển khai việc trang bị KNTH cho HS ngay từ đầu năm học nhằm tạo động cơ và khơi gợi hứng thú cho HS tích cực, chủ động trong tự học.

Luôn luôn phải là người thầy về tự học để cập nhật kiến thức, đổi mới phương pháp dạy học, phương pháp kiểm tra đánh giá cho phù hợp với đối tượng học sinh, đặc biệt quan tâm đến việc dạy HS cách tự học và phát triển KNTH cho HS để giúp học sinh có đủ khả năng, năng lực và tự tin khi tiếp tục vào học tại các trường Đại học.

## DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

1. Lê Trọng Tuấn (2008), “Giải pháp quản lý nâng cao năng lực tự học của sinh viên Trường Dự bị Đại học Dân tộc Trung ương”, *Tạp chí Giáo dục* 11/2008, từ trang 57 đến trang 59.
2. Lê Trọng Tuấn (2010), “Một số biện pháp nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên ở Trường Dự bị Đại học Dân tộc Trung ương”, *Tạp chí Giáo dục* 9/2010, từ trang 10 đến trang 11.
3. Lê Trọng Tuấn (2011), “Kỹ năng Tự học của học sinh Dự bị Đại học Dân tộc”, *Tạp chí Giáo dục* 12/2011, từ trang 50 đến trang 51.
4. Lê Trọng Tuấn (2012), “Thực trạng tự học của học sinh dự bị đại học dân tộc”, *Tạp chí Giáo dục* 7/2012, từ trang 13 đến trang 15.
5. Lê Trọng Tuấn (2014), “Đổi mới phương pháp dạy học theo hướng phát triển năng lực tự học của học sinh Dự bị Đại học Dân tộc”, *Tạp chí Giáo dục* 3/2014, từ trang 17 đến trang 18.
6. Lê Trọng Tuấn ( 2014), “Thực trạng quản lý hoạt động tự học ở trường Dự bị Đại học Dân tộc Trung ương”, *Tạp chí Giáo dục* 11/2014, từ trang 15 đến trang 17.
7. Lê Trọng Tuấn (2014), “Hỗ trợ hoạt động tự học thông qua websites cá nhân do giáo viên các bộ môn tự thiết kế”, *Tạp chí khoa học và công nghệ* tập 129, số 15, 2014, Đại học Thái Nguyên.
8. Lê Trọng Tuấn (2015), “Tổ chức dạy kỹ năng tự học theo module cho học sinh dự bị đại học dân tộc”, *Kỷ yếu hội thảo khoa học “Thực trạng và giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo hệ dự bị đại học” Đại học Cần Thơ* tháng 8/2015 từ trang 16 đến trang 21.
9. Lê Trọng Tuấn (2015), Phát triển chương trình giáo dục Dự bị Đại học theo định hướng phát triển năng lực cho học sinh, *Tạp chí Giáo dục*, Số đặc biệt 10/2015, từ trang 32 đến trang 34.